TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **1261**/2026/QĐST-HNGĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 345/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn", giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Vĩnh H**, sinh năm 1982

Số CCCD: CC1

Nơi thường trú: đường L, Phường A1, Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là đường L, Khu phố K1, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

Nơi cư trú: Khu dân cư và Công viên P, đường P, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Ngọc Bích T**, sinh năm 1982

Số CCCD: CC2

Nơi thường trú: đường T, phường N, Quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là đường T, Khu phố K2, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh).

Nơi cư trú: đường L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2026,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17/6/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Vĩnh H và bà Nguyễn Ngọc Bích T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Vĩnh H và bà Nguyễn Ngọc Bích T đồng ý thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 94 do Ủy ban nhân dân Phường A2, Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 29/6/2013 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày ban hành quyết định này.

2.2. Về con chung: Ông Nguyễn Vĩnh H và bà Nguyễn Ngọc Bích T xác nhận có 02 (hai) con chung là trẻ Nguyễn Nhật M, sinh năm 2015 và trẻ Nguyễn Vĩnh T, sinh năm 2018.

Sau khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao các con chung cho bà Nguyễn Ngọc Bích T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Vĩnh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng /01 (một) con chung. Thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ ngày 01/7/2026 cho đến khi phát sinh một trong các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

Ông Nguyễn Vĩnh H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Về ly hôn là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng ông Nguyễn Vĩnh H tự nguyện chịu. Ông Nguyễn Vĩnh H được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai số 0012654 ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Vĩnh H đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 6a, Đ*iều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 10 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- UBND phường P, TP.HCM.
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trương Văn Dựa